

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Văn kiện, kế hoạch tổng thể; kế hoạch chi tiết năm 2024 dự án thành phần tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ (GCF)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ ngày 04/05/2023 sửa đổi Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021;

Căn cứ Quyết định số 1029/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc;

Căn cứ các Văn bản của Thủ tướng Chính phủ: số 481/TTg-CN ngày 11/4/2018 về việc báo cáo kết quả thực hiện Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung; số 1091/TTg-QHQT ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh thời gian bố trí vốn thực hiện dự án do GCF tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 3637/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/9/2017 về việc phê duyệt đầu tư dự án; số 226/QĐ-BNNPTNT-TCPCTT ngày 15/01/2019 về phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án; số 5790/QĐ-BNN-HTQT ngày 26/12/2023 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; số 5972/QĐ-BNN-HTQT ngày 28/12/2023 về việc điều chỉnh phê duyệt đầu tư dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ thông qua Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: số 1220/QĐ-BXD ngày 27/11/2017 về Phê duyệt Văn kiện Dự án thành phần Hợp phần 1 – Dự án GCF; số 51/BXD-QLN ngày 27/3/2018 về Hướng dẫn dự án thành phần Hợp phần 1- Dự án GCF; số 1103/BXD-QLN ngày 15/5/2018 về việc tiếp tục triển khai thực

hiện Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1639/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 phê duyệt Văn kiện dự án, kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết năm 2018; số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 về việc điều chỉnh, bổ sung Văn kiện, kế hoạch tổng thể dự án; số 2388/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 về phê duyệt điều chỉnh Đề án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1261/SKHĐT-KTNN ngày 01/03/2024 và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 62/TTr-SNN&PTNT ngày 01/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Văn kiện, kế hoạch tổng thể; kế hoạch chi tiết năm 2024 dự án thành phần tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án “Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam” do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ (GCF); với các nội dung chính sau:

I. ĐIỀU CHỈNH VĂN KIỆN, KẾ HOẠCH TỔNG THỂ DỰ ÁN THÀNH PHẦN TỈNH THANH HÓA

1. Điều chỉnh Văn kiện dự án:

1.1. Điều chỉnh mục 3 phần I Điều 1 Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“3. Loại hình dự án: Dự án ô (ở Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ quản dự án ô, Tổng cục Phòng, chống thiên tai là chủ dự án ô (giai đoạn 2017-2021), Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai là chủ dự án ô (giai đoạn 2023-2024)).”

1.2. Điều chỉnh mục 7 phần I Điều 1 Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“7. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2017 - đến 11/7/2024, kể từ khi Văn kiện dự án được phê duyệt, chưa bao gồm thời gian quyết toán hoàn thành dự án”.

1.3. Điều chỉnh mục 1 phần I Điều 1 Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“1. Điều chỉnh mục 9. Các hợp phần và kết quả chủ yếu của dự án:

- Hợp phần 1 (HP1) - Hỗ trợ xây nhà chống chịu bão, lụt: Bổ sung những tính năng thiết kế chống, chịu bão, lụt cho 1.503 căn nhà xây mới tại các điểm an toàn, tương ứng với khoảng 4.500 người hưởng lợi là người nghèo và dễ bị tổn thương với thiên tai trong khoảng 40 xã tại các huyện, thị xã ven biển. Trong đó, giai đoạn 2018-2021, hỗ trợ 1.403 căn theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg

ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt; năm 2024, hỗ trợ 100 căn áp dụng cơ chế hỗ trợ không hoàn lại và mức kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cho các xã ven biển, cận ven biển hoặc khu vực thường xuyên bị ngập lụt tại 02 huyện: Nga Sơn, Hoằng Hóa. Mức hỗ trợ từ nguồn vốn của dự án (ODA) là 1.700 USD/căn.”

1.4. Điều chỉnh gạch đầu dòng (-) thứ 2 mục 9 phần I Điều 1 Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“- Hợp phần 2 (HP2) – Trồng rừng ngập mặn: Hỗ trợ trồng, phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và trồng mới 337,3 ha rừng ngập mặn ven biển để nâng cao chức năng phòng hộ chắn sóng, tác động của triều cường và nước biển dâng (trồng mới là 40 ha, trồng bổ sung là 297,3 ha) và thực hiện một số mô hình sinh kế tại các huyện ven biển tỉnh Thanh Hóa.”

1.5. Điều chỉnh mục 2 phần I Điều 1 Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“2. Điều chỉnh mục 10. Tổng kinh phí thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh khoảng 106.114.039.000 đồng, trong đó:

a) Vốn ODA viện trợ không hoàn lại là 3.504.790 USD, tương đương khoảng 77.585.539.000 đồng.

b) Với đối ứng: 28.528.500.000 đồng; trong đó:

- Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động của Ban quản lý dự án thành phần tỉnh là 2.800.000.000 đồng.

- Vốn đối ứng để thực hiện các Hợp phần của dự án (vốn ghi danh thông qua các chương trình, dự án đang thực hiện của các cơ quan, địa phương) là 25.728.500.000 đồng, gồm:

+ Hợp phần 1- Hỗ trợ xây nhà chống, chịu bão, lụt: 23.396.000.000 đồng, từ nguồn ngân sách cấp cho các huyện, thị xã để hỗ trợ cho các hộ gia đình là hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt.

+ Hợp phần 2 - Trồng rừng ngập mặn: 2.332.500.000 đồng, từ nguồn vốn ủy thác trồng rừng thay thế để thực hiện trồng mới rừng ngập mặn (Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

1.6. Điều chỉnh mục 11 phần I Điều 1 Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“11. Cơ chế tài chính trong nước:

a) Vốn ODA: 100% ngân sách nhà nước cấp phát; tính chất sử dụng: vốn sự nghiệp, giải ngân theo tiến độ và kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Về vốn đối ứng: Bố trí từ nguồn ngân sách thường xuyên hàng năm (vốn sự nghiệp) cho hoạt động của Ban Quản lý dự án thành phần tại tỉnh. Định mức chi tiêu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Vốn đối ứng ghi danh: Từ nguồn ngân sách của tỉnh và các nguồn khác theo cơ chế quy định tại Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt khu vực miền Trung và áp dụng theo các quy định về chuẩn nghèo hiện hành; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cho các xã ven biển, cận ven biển hoặc khu vực thường xuyên bị ngập lụt; Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/11/2015 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với BĐKH giai đoạn 2015-2020; Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030.”

2. Điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án thành phần tỉnh Thanh Hóa:

2.1. Điều chỉnh mục 1 phần II Điều 1 Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“1. Điều chỉnh khối lượng và tiến độ thực hiện:

- Hợp phần 1: Hỗ trợ xây dựng mới 1.503 căn nhà cho hộ nghèo phòng, tránh bão, lụt, trong đó:

+ Giai đoạn 2018-2021: Hỗ trợ xây dựng 1.403 căn nhà tại các huyện, thị xã: Nga Sơn 781 căn, huyện Hoằng Hóa 487 căn, huyện Hậu Lộc 105 căn, Nghi Sơn 30 căn (các Quyết định: số 4578/QĐ-UBND ngày 16/11/2018, số 4038/QĐ-UBND ngày 07/10/2019, số 514/QĐ-UBND ngày 11/02/2020, số 882/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

+ Năm 2024: Hỗ trợ xây dựng 100 căn (Trong đó: huyện Nga Sơn 50 căn, huyện Hoằng Hóa 50 căn).

- Hợp phần 2: Hỗ trợ trồng mới, trồng bổ sung 337,3 ha rừng ngập mặn ven biển tại các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn (trồng mới là 40 ha, trồng bổ sung là 297,3 ha) và thực hiện một số mô hình sinh kế tại các huyện ven biển, trong đó:

Năm 2019, trồng mới, trồng bổ sung 337,3 ha rừng ngập mặn ven biển tại huyện Hậu Lộc và huyện Nga Sơn (trồng mới là 40 ha, trồng bổ sung là 297,3 ha) và thực hiện một số mô hình sinh kế tại các huyện ven biển.”

2.2. Điều chỉnh mục 2 phần II Điều 1 Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh:

“2. Điều chỉnh kinh phí và nguồn vốn thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện dự án khoảng 106.114.039.000 đồng; trong đó:

a) Vốn ODA viện trợ không hoàn lại là 3.504.790 USD, tương đương khoảng 77.585.539.000 đồng (tỷ giá lập kế hoạch áp dụng theo Văn kiện dự án là 1 USD = 22.137 đồng); trong đó:

- Giai đoạn 2018-2021: 3.259.406 USD.

- Giai đoạn 2022-2024: 245.384 USD.

b) Vốn đối ứng: 28.528.500.000 đồng; trong đó:

- Vốn đối ứng từ ngân sách cho hoạt động của Ban quản lý dự án thành phần tỉnh: 2.800.000.000 đồng.

- Vốn đối ứng ghi danh thực hiện các Hợp phần là 25.728.500.000 đồng đồng; trong đó:

+ Hợp phần 1: 23.396.000.000 đồng, từ nguồn ngân sách cấp cho các huyện, thị xã để hỗ trợ các hộ gia đình theo Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về điều chỉnh Đề án hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

Giai đoạn 2018-2021: 19.396.000.000 đồng (tại các Quyết định: số 5041/QĐ-UBND ngày 14/12/2018, số 2309/QĐ-UBND ngày 13/6/2019, số 3974/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, số 2293/QĐ-UBND ngày 18/6/2020, số 3765/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Năm 2024: 4.000.000.000 đồng.

+ Hợp phần 2: 2.332.500.000 đồng, từ nguồn ủy thác trồng rừng thay thế của tỉnh để thực hiện trồng mới rừng ngập mặn (đã được giao kế hoạch tại Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 và Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).”

(Chi tiết có các Phụ lục 01, 02 kèm theo)

3. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 1639/QĐ-UBND ngày 08/5/2018 và Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

II. KẾ HOẠCH NĂM 2024

1. Khối lượng thực hiện:

1.1. Hợp phần 1 - Hỗ trợ xây nhà ở chống chịu bão, lụt:

- Hỗ trợ những tính năng thiết kế chống, chịu bão, lụt cho 100 căn nhà xây dựng mới, tại các điểm an toàn cho các hộ nghèo dễ bị tổn thương áp dụng cơ chế hỗ trợ không hoàn lại và mức kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ

trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 cho các xã ven biển, cận ven biển hoặc khu vực thường xuyên bị ngập lụt tại huyện Nga Sơn (50 căn) và huyện Hoằng Hóa (50 căn).

- Thi công và gắn 100 bảng tên nhà do dự án hỗ trợ.
- Tổ chức giám sát, kiểm tra, đánh giá và tổ chức các cuộc họp với các huyện vùng dự án.

1.2. Hợp phần 2 – Trồng rừng ngập mặn

- Giám sát lượng giảm phát thải khí nhà kính rừng ngập mặn của dự án.

1.3. Hợp phần 3 - Quản lý thông tin, dữ liệu rủi ro thiên tai:

- Phối hợp với Ban quản lý dự án Hợp phần 3 ở Trung ương thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

2. Nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện:

Tổng nhu cầu kinh phí năm 2024 là 8.615.758.900 đồng (tương đương khoảng 392.202 USD), trong đó:

- Nguồn vốn ODA hỗ trợ không hoàn lại: 4.420.759.000 đồng (tương đương khoảng 199.700 USD). Mức hỗ trợ cho các hộ gia đình xây nhà là 1.700 USD/căn.

- Vốn đối ứng: 4.195.000.000 đồng, trong đó:

+ Cấp cho hoạt động của Ban Quản lý dự án tỉnh: 195.000.000 đồng (Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh).

+ Vốn từ ngân sách (vốn ghi danh) để thực hiện Hợp phần 1: 4.000.000.000 đồng, cấp cho UBND các huyện để hỗ trợ cho các hộ gia đình là hộ nghèo xây dựng nhà (mức hỗ trợ là 40 triệu đồng/hộ) áp dụng cơ chế hỗ trợ không hoàn lại và mức kinh phí hỗ trợ theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng.

(Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ dự án thành phần) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ dự án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; chỉ đạo Ban Quản lý dự án GCF tỉnh phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện dự án theo Văn kiện, kế hoạch tổng thể điều chỉnh và kế hoạch năm 2024; thực hiện việc giải ngân, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ từ dự án đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, đúng theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cho các huyện vùng dự án để triển khai Hợp phần 1 theo quy định.

3. Sở Xây dựng đôn đốc, hướng dẫn các huyện vùng dự án tiến hành rà soát danh sách các hộ gia đình thuộc diện hỗ trợ theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, làm cơ sở để Ban quản lý dự án GCF tỉnh tổng hợp, trình phê duyệt Danh sách các hộ gia đình tham gia dự án GCF trong năm 2024.

4. UBND các huyện vùng dự án:

- Rà soát và phê duyệt danh sách các hộ gia đình thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý dự án GCF tỉnh trong quá trình tổ chức triển khai các hoạt động của dự án tại địa phương; giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện giải ngân nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hộ nghèo tham gia Hợp phần 1.

5. Ban Quản lý dự án GCF tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và UBND các huyện vùng dự án, tổng hợp danh sách các hộ gia đình thuộc đối tượng được hỗ trợ từ dự án, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

6. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện vùng dự án và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm chủ động giải quyết các nội dung công việc liên quan đến ngành/đơn vị mình; đồng thời phối hợp với Ban Quản lý dự án GCF tỉnh giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đảm bảo tiến độ, hiệu quả đầu tư dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Nghi Sơn; Giám đốc Ban Quản lý dự án GCF tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Xây dựng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- BQL dự án Ô;
- BQL Hợp phần 1 ở TW;
- BQL Hợp phần 2 ở TW;
- Lưu: VT, NN.

} (đề b/c);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

[illegible]

Phụ lục số 02: Tổng hợp kế hoạch vốn triển khai các hoạt động điều chỉnh dự án GCF tại tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Kết quả	Mã hoạt động cho các số liệu đầu vào	Kinh phí (USD)				Chi tiết theo các năm								Ghi chú
		Tổng	Kinh phí viện trợ (GCF)	Kinh phí đối ứng		Giai đoạn năm 2018-2021				Giai đoạn kéo dài đến 11/7/2024				
				USD	Triệu đồng	Tổng số (USD)	Trong đó:			Tổng số (USD)	Trong đó			
							Viện trợ (USD)	Vốn đối ứng, lồng ghép			Viện trợ (USD)	Vốn đối ứng, lồng ghép		
								USD	Triệu đồng			USD	Triệu đồng	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)=(8)+(12)	(5)=(9)+(13)	(6)=(10)+(14)	(7)=(8)+(9)	(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(12)	(13)	(14)	(15)
Kết quả 1: Những tính năng thiết kế chống chịu bão lụt được đưa vào 1.503 căn nhà mới xây tại các điểm an toàn, hỗ trợ khoảng 4.500 người nghèo và chịu ảnh hưởng nhiều từ thiên tai.		3.678.222	2.621.349	1.056.873	23.396	3.308.204	2.432.024	876.180	19.396	370.018	189.325	180.693	4.000	
Hoạt động 1.1. Tái trợ chi phí để bổ sung các tính năng chống chịu bão lụt cho 1.503 căn nhà	1.1.4. Hỗ trợ kinh phí để bổ sung các tính năng an toàn cho các ngôi nhà được thực hiện trong tỉnh dựa trên các bài học rút ra từ các thiết kế thuộc Chương trình nhà ở theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình nhà trước đó. Mức hỗ trợ là 1.700 USD/căn.	3.678.222	2.621.349	1.056.873	23.396	3.308.204	2.432.024	876.180	19.396	370.018	189.325	180.693	4.000	Quyết định số 2388/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
Kết quả 2: Hỗ trợ trồng bổ sung, phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và trồng mới một phần đối với 337,3 ha rừng ngập mặn ven biển, để nâng cao khả năng phòng hộ chắn sóng, tác động của triều cường và nước biển dâng, chủ yếu ứng dụng các kinh nghiệm và kỹ thuật đã thực hiện thành công trong nước.		858.464	753.097	105.367	2.332,5	809.258	711.571	97.687	2.162,5	49.205	41.526	7.679	170	
Hoạt động 2.1. Tái sinh hay trồng lại 337,3 ha rừng ngập mặn vùng ven biển dễ bị tổn thương bởi BĐKH	2.1.5.Đối với vùng nuôi trồng thủy sản đặt ra mối đe dọa cho rừng ngập mặn, hỗ trợ trong việc thiết kế và di dời các ao, cung cấp hỗ trợ sinh kế tạm thời hỗ trợ khi cần thiết.	64.100	64.100			64.100	64.100							

	2.1.7. Bắt đầu với 2-3 địa điểm, phục hồi rừng ngập mặn sử dụng cây giống sản xuất tại địa phương và lắp đặt cơ sở hạ tầng khi cần thiết để bảo vệ cây (hỗ trợ tre có nguồn từ địa phương hoặc hàng rào), lôi cuốn sự tham gia các cộng đồng trong nhân giống (vườn ươm) và trồng đến mức có thể.	794.364	688.997	105.367	2.332,5	745.158	647.471	97.687	2.162,5	49.205	41.526	7.679	170	Quyết định số 4083/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh; Quyết định số 4810/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh
Kết quả 3: Tăng cường khả năng tiếp cận các dữ liệu về tổn thất và thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu để sử dụng cho mục đích phát triển ở tỉnh Thanh Hóa (Phối hợp với Ban quản lý dự án thành phần Hợp phần 3 TW tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo về rủi ro thiên tai tại các huyện ven biển.														
CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN		130.344	130.344			115.811	115.811			14.533	14.533			
-	Chi phí cho Ban QLDA tỉnh HP1, HP2, HP 3	124.344	124.344			109.815	109.815			14.529	14.529			
-	Các cơ sở vật chất	3.714	3.714			3.710	3.710			4	4			
-	Đi lại	2.286	2.286			2.286	2.286							
VỐN ĐỐI ỨNG QUẢN LÝ DỰ ÁN TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO BQL DỰ ÁN		126.485		126.485	2.800	91.114		91.114	2.017	35.371		35.371	783	Năm 2022 đã được giao vốn tại Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; năm 2023 tại Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh; năm 2024 tại Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023
Tổng cộng (USD)		4.793.515	3.504.790	1.288.725	28.528,5	4.324.388	3.259.406	1.064.982	23.576	469.127	245.384	223.743	4.953	
Quy đổi (VNĐ)		106.114.039.117	77.585.539.117											

Ghi chú:

* Tỷ giá áp dụng theo tỷ giá của Văn kiện dự án là 1USD = 22.137 đồng. Khi giải ngân áp dụng tỷ giá tại thời điểm thanh toán theo thông báo của UNDP.

* Tổng kinh phí làm tròn: **106.114.039.000 VNĐ, tương ứng khoảng 4.793.515 USD (Bằng chữ: Một trăm linh sáu tỷ, một trăm mười bốn triệu, không trăm ba mươi chín nghìn đồng).** Trong đó:

- Vốn ODA viện trợ không hoàn lại từ dự án (làm tròn số): 77.585.539.000 VNĐ, tương đương 3.504.790 USD
- Vốn Ngân sách đối ứng thực hiện 1.503 căn nhà: 23.396.000.000 VNĐ, tương đương khoảng 1.056.873 USD
- Vốn Ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động của BQL dự án tỉnh: 2.800.000.000 VNĐ
- Vốn lồng ghép từ nguồn ủy thác trồng rừng thay thế của tỉnh là 2.332.500.000 VNĐ

Phụ lục số 03: Kế hoạch hoạt động và kinh phí năm 2024 dự án GCF tại tỉnh Thanh Hóa (đến ngày 11/7/2024)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Các đầu ra, kết quả dự kiến/ hoạt động	Các hoạt động dự kiến	Khung thời gian				Cơ quan chịu trách nhiệm	Ngân sách dự kiến năm 2024					Thách thức và giải pháp	Ghi chú
		Q1	Q2	Q3	Q4		Tổng số (USD)	Vốn ODA do Quỹ Khí hậu xanh (GCF) tài trợ		Vốn đối ứng			
								USD	Quy đổi (1.000 VNĐ)	USD	Quy đổi (1.000 VNĐ)		
Kết quả 1: Những tính năng thiết kế chống, chịu bão, lụt được đưa vào 1.503 nhà mới xây tại các điểm an toàn, hỗ trợ khoảng 4.500 người nghèo và chịu ảnh hưởng nhiều từ thiên tai							369.393	188.700	4.177.252	180.693	4.000.000		
1.1.4. Hỗ trợ kinh phí để bổ sung các tính năng an toàn cho các ngôi nhà được thực hiện trong tỉnh dựa trên các bài học rút ra từ các thiết kế thuộc Chương trình nhà ở theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các chương trình nhà trước đó. Mức hỗ trợ là 1.700 USD/căn	- Hỗ trợ kinh phí cho 100 hộ nghèo xây dựng nhà ở chống, chịu bão, lụt áp dụng cơ chế hỗ trợ theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ (mức hỗ trợ 1.700 USD/căn): 1.700 USD x 100 căn	X	X			- BQLDA tỉnh - UBND các huyện/xã liên quan	350.693	170.000	3.763.290	180.693	4.000.000	- Điều kiện thời tiết thuận lợi để xây dựng nhà - Phong tục tập quán, tuổi làm nhà của các hộ gia đình - Giá cả vật liệu xây nhà - Sự hỗ trợ của các tổ chức chính trị-xã hội tại địa phương	Vốn đối ứng theo Nghị quyết số 330/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh
	- Rà soát thu thập hồ sơ, giám sát, kiểm tra, đánh giá xây dựng 100 căn nhà ở của các hộ gia đình và tham dự các hội nghị, hội thảo	X	X			- BQLDA tỉnh - UBND các huyện/xã liên quan	7.000	7.000	154.959				
	- Tổ chức hội nghị nhằm thúc đẩy triển khai xây dựng nhà chống chịu bão, lụt do dự án hỗ trợ tại các huyện vùng dự án và hội nghị tổng kết dự án	X	X			- BQLDA tỉnh - UBND các huyện/xã liên quan	2.000	2.000	44.274				
	- Thiết kế, thi công và gắn các bảng tên cho 100 ngôi nhà được hỗ trợ (10 USD/1 nhà x 100 nhà)	X	X			- BQLDA tỉnh - UBND các huyện/xã liên quan	1.000	1.000	22.137				
	- Lương cho cán bộ Điều phối viên dự án (6 tháng x 1.450 USD/tháng)	X	X			- BQLDA tỉnh	8.700	8.700	192.592				
	Kết quả 2: Hỗ trợ trồng bổ sung, phục hồi, nâng cao chất lượng rừng và trồng mới một phần đối với 337,3 ha rừng ngập mặn ven biển, để nâng cao khả năng phòng hộ chắn sóng, tác động của triều cường và nước biển dâng, chủ yếu ứng dụng các kinh nghiệm và kỹ thuật đã thực hiện thành công trong nước							3.000	3.000	66.411			
2.1.7. Bắt đầu với 2-3 địa điểm, phục hồi rừng ngập mặn sử dụng cây giống sản xuất tại địa phương và lấp đất cơ sở hạ tầng khi cần thiết để bảo vệ cây (hỗ trợ tre có nguồn từ địa phương hoặc hàng rào), lối cuốn sự tham gia các cộng đồng trong nhân giống (vườn ươm) và trồng đến mức có thể	- Giám sát lượng giám phát thải khí nhà kính rừng ngập mặn của dự án.	X	X			- BQLDA tỉnh	3.000	3.000	66.411			- Điều kiện thời tiết thuận lợi; thủy triều	

Kết quả 3: Tăng cường khả năng tiếp cận các dữ liệu về tổn thất và thiệt hại do thiên tai và biến đổi khí hậu để sử dụng cho mục đích phát triển ở tỉnh Thanh Hóa: Phối hợp với Ban quản lý dự án thành phần Hợp phần 3 tổ chức các hoạt động theo kế hoạch của Hợp phần 3 TW					Ban QLDA tỉnh phối hợp với Ban Quản lý dự án HP3 thực hiện						- Đối tượng tham gia tập huấn; thời điểm tổ chức tập huấn	
Chi phí quản lý dự án						16.809	8.000	177.096	8.809	195.000		
1. Ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động của Ban quản lý dự án tỉnh	X	X			- BQLDA tỉnh	8.809			8.809	195.000		Đã được giao kinh phí tại Quyết định số 4848/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh
2. Chi phí cho Ban quản lý dự án tỉnh từ nguồn ODA						6.000	6.000	132.822				
Kế toán dự án (6 tháng x 1.000 USD/tháng)	X	X			- BQLDA tỉnh	6.000	6.000	132.822				
3. Chi phí đi công tác thực hiện các hoạt động của dự án	X	X			- BQLDA tỉnh	2.000	2.000	44.274				
Tổng cộng						389.202	199.700	4.420.759	189.502	4.195.000		

Ghi chú:

- * Tỷ giá lập kế hoạch áp dụng theo tỷ giá của Văn kiện dự án được phê duyệt là 01USD = 22.137 đồng.
- * Tỷ giá thanh toán thực tế sẽ được quy đổi ra VNĐ và áp dụng theo tỷ giá do UNDP công bố tại thời điểm cụ thể.
- * **Tổng kinh phí năm 2024: 8.615.758.900 đồng**, tương ứng khoảng 389.202 USD; trong đó:
 - Vốn ODA từ dự án GCF: 4.420.759.000 đồng, tương ứng khoảng 199.700 USD.
 - Vốn đối ứng: 4.195.000.000 đồng, gồm:
 - + *Vốn từ ngân sách cấp cho các huyện để hỗ trợ cho các hộ gia đình xây dựng nhà (HPI): 4.000.000.000 đồng*
 - + *Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh cấp cho Ban QLDA: 195.000.000 đồng.*